

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày: 26-3-2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Phạm Văn Lịch.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2024/TLST- HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Cao Thị H, sinh năm 1972; nơi sinh: Thị trấn C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố số 4, thị trấn C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Nơi ở hiện nay: Xóm T, xã Hải C1, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Duy T, sinh năm 1932 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1932 (đều đã chết); chị em ruột có 08 người, bị cáo là thứ tám; có chồng là Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1969; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/12/2023 đến ngày 19/12/2023 thì được áp dụng bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị C2, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm 1, xã Hải X, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (vắng mặt)

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1969; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nhau nên từ đầu năm 2023 đến tháng 08/2023, chị Nguyễn Thị C2 đã nhiều lần vay tiền của bị cáo Cao Thị H, thời gian vay ngắn hạn, vay lại trả, sau đó lại vay lại, mục đích để làm ăn buôn bán, với lãi suất thỏa thuận từ 1.500 đồng đến 2.200 đồng/1triệu/1ngày. Đến ngày 29/8/2023, H gọi điện thoại cho chị Nguyễn Thị M để xác nhận số tiền C2 còn nợ H tính đến ngày 29/8/2023 là 2.300.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 2.200 đồng/1triệu/1ngày, tức là mỗi ngày chị C2 phải trả tiền lãi cho H là 5.060.000 đồng (tương đương 79,2%/1 năm; gấp 3,96 lần mức lãi suất cao nhất pháp luật quy định).

Ngày 07/9/2023, H gọi điện thoại cho chị C2 yêu cầu trả gốc và thanh toán tiền lãi từ ngày 29/8/2023 đến ngày 07/9/2023 ($10 \text{ ngày} \times 5.060.000 \text{ đồng}$) = 50.600.000 đồng, chị C2 đã chuyển khoản trả tiền lãi cho H (trong đó chuyển 40.000.000 đồng từ tài khoản số 6789336666666 mở tại Ngân hàng Quân đội và 10.600.000 đồng từ tài khoản số 0831000080403 mở tại Ngân hàng Vietcombank của C2 sang tài khoản số 3209205321664 mở tại Ngân hàng Agribank của H). Do chưa trả tiền gốc nên H tiếp tục cho chị C2 vay số tiền 2.300.000.000 đồng để lấy tiền lãi.

Đến ngày 13/9/2023, H gọi điện thoại cho chị C2 yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi nhưng chị C2 chưa có tiền gốc và xin trả tiền lãi nên H tính lãi từ ngày 07/9/2023 đến ngày 13/9/2023 ($07 \text{ ngày} \times 5.060.000 \text{ đồng}$) = 35.420.000 đồng. Biết H tính lãi cho mình là không đúng nhưng do chưa có tiền gốc để trả nên chị C2 đồng ý trả lãi và đã chuyển khoản số tiền 35.420.000 đồng trả H. Như vậy, tính đến ngày 13/9/2023, H đã thu của chị C2 02 lần lãi của ngày 07/09/2023: $5.060.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ lần} = 10.120.000 \text{ đồng}$ (Trong đó, tiền lãi hợp pháp theo quy định 20%/năm là 1.277.778 đồng, số tiền H đã thu lợi bất chính là 8.842.222 đồng), tương ứng với lãi suất là 4.400 đồng/01 triệu/01 ngày (tức 158,4%/1 năm), vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định là 7,92 lần.

Với thủ đoạn tính lãi trên, Cao Thị H tiếp tục cho chị Nguyễn Thị Minh C2 vay tiền để chiếm hưởng tiền lãi trong các ngày cụ thể như sau:

Ngày 19/9/2023, Cao Thị H gọi điện thoại cho chị C2 yêu cầu thu tiền gốc 2.300.000.000 đồng và số tiền tính từ ngày 13/9/2023 đến hết ngày 19/9/2023 ($07 \text{ ngày} \times 5.060.000 \text{ đồng}$) = 35.420.000 đồng. Chị C2 đồng ý trả lãi nên đã chuyển khoản số tiền 35.420.000 đồng trả H. Như vậy, H đã thu của chị C2 02 lần lãi của ngày 13/9/2023 là $5.060.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ lần} = 10.120.000 \text{ đồng}$ (Trong đó, tiền lãi hợp pháp theo quy định 20%/năm là 1.277.778 đồng, số tiền H đã thu lợi bất chính

là 8.842.222 đồng), tương ứng với lãi suất là 4.400 đồng/01 triệu/01 ngày (tức 158,4%/1 năm), vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định là 7,92 lần.

Ngày 27/9/2023, H gọi điện thoại cho chị C2 yêu cầu thu tiền gốc và số tiền lãi từ ngày 19/9/2023 đến hết ngày 27/9/2023 là (09 ngày x 5.060.000 đồng) = 45.540.000 đồng. Chị C2 đồng ý trả lãi nên chuyển khoản số tiền 45.540.000 đồng trả H. Như vậy, H đã thu của chị C2 02 lần lãi ngày của 19/9/2023 là 5.060.000 đồng x 02 lần = 10.120.000 đồng (Trong đó, tiền lãi hợp pháp theo quy định 20%/năm là 1.277.778 đồng, số tiền H đã thu lợi bất chính là 8.842.222 đồng), tương ứng với lãi suất là 4.400 đồng/01 triệu/01 ngày (tức 158,4%/1 năm), vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định là 7,92 lần. Cùng ngày 27/9/2023, chị C2 đã trả cho H số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Số tiền gốc còn lại 1.800.000.000 đồng, H tiếp tục cho chị C2 vay, tính lãi từ ngày 27/9/2023 với lãi suất 2.200đồng/1 triệu/1 ngày, tức là mỗi ngày chị C2 phải trả cho H số tiền lãi là 3.960.000đồng.

Ngày 04/10/2023, Cao Thị H gọi điện thoại cho chị C2 yêu cầu thu tiền gốc và số tiền lãi từ ngày 27/9/2023 đến hết ngày 04/10/2023 là (9 ngày x 3.960.000 đồng) = 31.680.000 đồng. Chị C2 đồng ý và chuyển khoản tiền lãi 31.680.000 đồng trả H. Như vậy, H đã thu của chị C2 02 lần lãi của ngày 27/9/2023 là 3.960.000 đồng x 02 lần = 7.920.000 đồng (Trong đó, tiền lãi hợp pháp theo quy định 20%/năm là 1.000.000 đồng; số tiền H đã thu lợi bất chính là 6.920.000 đồng), tương ứng với lãi suất là 4.400 đồng/01 triệu/01 ngày (tức 158,4%/1 năm), vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định là 7,92 lần.

Ngày 05/10/2023 chị C2 tiếp tục vay thêm của H số tiền 1.100.000.000 đồng với lãi suất 2.200 đồng/1triệu/1ngày nhưng sau đó chưa thu được lãi.

Đến ngày 10/10/2023, H gọi điện thoại cho chị C2 yêu cầu thu tiền gốc đối với khoản vay 1.800.000.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 04/10/2023 đến hết ngày 10/10/2023 (7 ngày x 3.960.000 đồng) = 27.720.000 đồng. Chị C2 đồng ý trả lãi nhưng chưa có tiền trả gốc nên chỉ chuyển khoản tiền lãi 27.720.000 đồng trả H. Như vậy, H đã thu 02 lần lãi của ngày 04/10/2023 đối với khoản vay 1.800.000.000 đồng là 3.960.000 đồng x 02 lần = 7.920.000 đồng (Trong đó, tiền lãi hợp pháp theo quy định 20%/năm là 1.000.000 đồng; số tiền H đã thu lợi bất chính là 6.920.000 đồng). Sau đó do hoàn cảnh khó khăn nên chị C2 không còn khả năng trả lãi cho H, số tiền vay gốc 1.100.000.000đ vay ngày 05/10/2023 chưa trả được lãi ngày nào. Đến nay, tổng số tiền gốc 2.900.000.000 đồng chị C2 đã vay của H thì chị C2 chưa trả cho H.

Như vậy, vào các ngày 07/9/2023; 13/9/2023; 19/9/2023; 27/9/2023; 04/10/2023, H đã cho chị C2 vay tiền với lãi suất 4.400 đồng/1triệu/1ngày tương đương lãi suất 158,4%/1 năm; gấp 7,92 lần mức lãi suất cao nhất pháp luật quy

định, thu lãi suất tổng cộng là 46.200.000đ, trong đó lãi bất hợp pháp là 40.366.666 đồng; lãi hợp pháp theo quy định 20%/năm là 5.833.334đồng.

Từ ngày 29/8/2023 đến ngày 10/10/2023 (trừ các ngày 07/9/2023; 13/9/2023; 19/9/2023; 27/9/2023; 04/10/2023), H đã cho chị C2 vay tiền với lãi suất 2.200 đồng/1triệu/1ngày tương đương lãi suất 79,2%/1 năm; gấp 3,96 lần mức lãi suất cao nhất pháp luật quy định nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hậu ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và khám xét chỗ ở của Cao Thị H tại xóm T, xã Hải C, huyện Hải Hậu. Tạm giữ của H: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32 vỏ màu đen, số IMEI1: 352473672302448, IMEI2: 354866122302447 bên trong lắp sim số 0972942915, máy cũ đã qua sử dụng.

Đối với số tiền vay gốc 1.100.000.000 đồng, H đã cho chị C2 vay vào ngày 05/10/2023, thỏa thuận vay với lãi suất 2.200 đồng/1 triệu/1 ngày nhưng chưa thu được tiền lãi. Trong đó có 500.000.000đồng tiền gốc mà chị C2 đã trả cho H vào ngày 27/9/2023 và tiền lãi mà H đã thu của chị C2 từ ngày 29/8/2023 đến ngày 04/10/2023. Trong tổng số tiền vay gốc 2.900.000.000 đồng, chị C2 chưa trả cho H thì H đã sử dụng 2.300.000.000đ vào việc cho vay lãi nặng với mức lãi suất 4.400đồng/1 triệu/1 ngày, đến nay chị C2 chưa tự nguyện giao nộp nên chưa thu hồi lại được. Còn lại 600.000.000đ là tiền gốc H cho chị C2 vay vào ngày 05/10/2023 thì H chưa thu được lãi nên không có căn cứ xử lý bằng hình sự đối với bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 17/CT-VKSHH ngày 27/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố bị cáo Cao Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo thừa nhận đã dùng số tiền 2.300.000.000 đồng vào việc cho vay lãi nặng, đến nay chị C2 chưa trả cho bị cáo nên chấp nhận tịch thu ở chị C2 để sung quỹ nhà nước. Đối với số tiền 600.000.000 đồng vay gốc còn lại, bị cáo sẽ kiện đòi chị C2 bằng vụ kiện dân sự khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 50.000.000đồng đến 60.000.000 đồng.

Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước: Số tiền 2.300.000.000đồng từ chị Nguyễn Thị C2 do bị cáo H đã dùng để cho vay lãi nặng đến nay chị C2 chưa trả

cho bị cáo và số tiền lãi hợp pháp 45.222.228 đồng từ bị cáo H, do bị cáo đã thu của chị C2. Bị cáo H phải trả lại cho chị C2 số tiền thu lãi bất hợp pháp 40.366.666 đồng.

Về vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

Phản tranh luận: Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến gì tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 29/8/2023 đến 10/10/2023, bị cáo đã cho chị Nguyễn Thị C2 vay nhiều lần với tổng số tiền 2.300.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản với lãi suất theo ngày là 2.200 đồng/1triệu/1ngày nhưng dùng thủ đoạn thu 02 lần lãi suất trong ngày của một khoản vay, tương ứng với lãi suất là 4.400 đồng/1triệu đồng/1ngày (tương đương 158.4%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định là 7,92 lần) vào các ngày 07/9/2023, 13/9/2023, 19/9/2023, 27/9/2023 và 04/10/2023 thu tổng số tiền lãi 46.200.000 đồng với lãi suất gấp hơn 5 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính số tiền 40.366.666 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng, trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân. Do đó, để góp phần đấu tranh, loại bỏ

tệ nạn cho vay tín dụng đen, xét cần áp dụng hình phạt phù hợp nhằm trừng trị, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong vụ án này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt: Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên xét cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có thể bị phạt bổ sung từ 30.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên, căn cứ điểm e, khoản 2 Điều 32 Bộ luật Hình sự, bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền 2.300.000.000đồng, bị cáo đã sử dụng để cho chị C2 vay lãi nặng, đến nay chị C2 chưa trả cho bị cáo nên cần buộc chị C2 phải nộp lại số tiền trên để sung quỹ nhà nước;

- Đối với số tiền lãi hợp pháp 45.222.228 đồng bị cáo H đã thu của chị C2, cần buộc bị cáo nộp sung quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền lãi bất hợp pháp 40.366.666 đồng bị cáo H đã thu của chị C2, cần buộc bị cáo phải trả lại cho chị C2 là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32 vỏ màu đen, bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước, đối với chiếc sim số thuê bao 0972942915 không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về các vấn đề khác:

- Quá trình điều tra xác định: Ngoài số tiền 2.300.000.000 đồng bị cáo cho vay lãi nặng thì bị cáo còn cho chị C2 vay 600.000.000 đồng với lãi suất 2.200 đồng/1triệu/1ngày, nhưng chưa thu được lãi nên không có căn cứ xử lý đối với bị cáo về hành vi này. Đối với số tiền 600.000.000đ chị C2 chưa trả cho bị cáo nếu có tranh chấp thì bị cáo có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

- Đối với ông Nguyễn Mạnh H (là chồng của bị cáo H), do không được bàn bạc, không biết bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông H là phù hợp.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

1.1. Tuyên bố bị cáo Cao Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1.2. Xử phạt bị cáo Cao Thị H 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2. Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đối với bị cáo Cao Thị H theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 13/LCCT-TA ngày 29 tháng 02 năm 2024.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự:

- Buộc bị cáo Cao Thị H phải trả chị Nguyễn Thị Minh C2 số tiền lãi bất hợp pháp là 40.366.666 đồng (bốn mươi triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) và buộc bị cáo nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền lãi hợp pháp 45.222.228 đồng (bốn mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi tám đồng).

- Buộc chị Nguyễn Thị C2 phải nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32 vỏ màu đen của bị cáo Cao Thị H.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim số thuê bao 0972942915 của bị cáo Cao Thị H.

(Các vật chứng nêu trên được mô tả như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hậu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu).

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Cao Thị H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- UBND xã Hải C;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu vp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đính